

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24/8/2021

V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hoàng Văn Xuân.

2. Ông: Hoàng Văn Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2020 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXHNGĐ - ST ngày 09 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị La Thu H, sinh năm 199x;

Nơi cư trú: Tổ 1x, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Bị Đơn: Anh La Đức P, sinh năm 198x;

Nơi cư trú: Tổ x, thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng.

Hiện đang chấp hành án tại Kx, Trại giam P, huyện L, tỉnh Thái Nguyên.
Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/12/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn La Thu H trình bày: Sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh P được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào năm 2015, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng ngày 29/7/201x, việc đăng ký do hai bên tự nguyện tiến hành. Sau kết hôn, vợ

chồng chị sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau một con chung tên La Phương A, sinh ngày 14/5/201x. Tuy nhiên, thời gian hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P là con trai một, được gia đình nuông chiều, hay đi chơi sớm về muộn, chị nhiều lần góp ý nhưng chồng không nghe. Sau đó chơi bời rồi dính vào tệ nạn xã hội là sử dụng ma túy. Để có tiền, anh P đã bất chấp pháp luật mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 18 năm. Hiện nay anh P đang chấp hành án tại Kx, Trại giam P, huyện L, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi chồng đi tù thì chị cùng con quay về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn anh P. Hai vợ chồng có một con chung hiện nay đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Giữa chị và anh P không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2021, bị đơn La Đức P xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị H trình bày là đúng và nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị H. Đồng thời, anh có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án.

Tại phiên tòa:

Chị H xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn anh P, sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị La Thu H được ly hôn anh La Đức P;
- Về con chung: Giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh P;
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;
- Về án phí: Buộc chị H phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn La Đức P có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Tổ x, thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo

quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị La Thu H yêu cầu ly hôn anh La Đức P, dành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị La Thu H và anh La Đức P sau thời gian tìm hiểu thì tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2015. Sau đó tiến hành đăng ký kết hôn ngày 29/7/201x tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 đứa con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; anh P không chịu tu chí làm ăn, lười lao động và dính vào tệ nạn xã hội là sử dụng ma túy, sau đó vi phạm pháp luật bị kết án 18 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện nay đang trong thời gian chấp hành án tại Kx, Trại giam P, huyện L, tỉnh Thái Nguyên. Điều nay làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn càng thêm trầm trọng. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2021, anh P cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H cùng nguyện vọng được nuôi con của chị. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy việc anh P không chịu tu chí làm ăn lương thiện là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung*: Giữa chị H và anh có 01 con chung tên La Phương A, sinh ngày 14/5/201x, hiện nay cháu đang sống cùng chị H. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh P đang trong thời gian chấp hành án phạt tù, cháu Phương A cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ, nên cần giao con chung cho chị H chăm sóc, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh P là có căn cứ.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị La Thu H được ly hôn anh La Đức P.

2. *Về con chung:* Giao cháu La Phương A, sinh ngày 14/5/201x cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh P.

Sau khi ly hôn, anh P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị La Thu H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh P có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND thị trấn Trùng Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nông Văn Tùng

